

BIỂU TƯỢNG LÚA

trong thần thoại và nghi lễ của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam

NGUYỄN HUY BÌNH

Lời mở

Lúa có vai trò to lớn trong đời sống hiện thực, lúa trở thành nguồn lương thực cơ bản nhất trong việc nuôi sống con người, lúa là nguồn thức ăn, là "bầu sữa mẹ", cho nên ở khắp các cộng đồng, dù sống trong điều kiện khác nhau: rẻo cao, rẻo giữa, rẻo thấp thì họ đều chinh phục tự nhiên để tạo ra mô hình trồng lúa. Với vai trò quan trọng trong việc duy trì sự sống con người, từ trong hiện thực, lúa đã đi vào sống văn hóa tâm linh, được con người thờ cúng, sùng bái. Do vậy, không hề khó hiểu khi chúng ta thấy ở khắp các tộc người thiểu số Việt Nam, nơi nào cũng đều có các truyện cổ và thực hành nghi lễ về lúa. Lúa trở thành người mẹ (Mẹ Lúa), vị thần linh (Thần Lúa), loài cây linh hồn (Hồn Lúa) tồn tại trong tâm thức cộng đồng. Ngay tên gọi Mẹ Lúa, Thần Lúa, Hồn Lúa đã gợi nên ý niệm về một loại quyền năng vô hình, một bản thể linh thiêng chứ không đơn thuần chỉ là một hiện tượng sống. Thần thoại và nghi lễ về lúa đã biểu hiện niềm tin của con người vào tín điều này.

1. Lúa - người mẹ (Mẹ Lúa)

Trong tâm thức các cộng đồng dân tộc Việt Nam, lúa mang đến của cải, sung túc và cuộc sống ấm no đủ đầy; lúa là loài cây linh hồn - loại linh hồn giống như linh hồn một loài động vật, đặc biệt lúa là biểu tượng của người đàn bà - người mẹ có khả năng sinh sản dồi dào. Theo Jacques Dournes, trong ý niệm các cộng đồng cư dân ở khu Đông

Nam Á, lúa luôn được coi là giống cái, lúa gắn với người đàn bà trong việc trồng trọt, chăm sóc và chế biến. Lúa đã được đồng nhất với người mẹ toàn năng với khả năng sinh sản dồi dào để mang lại nguồn sống (Xem Jacques Dournes 2002).

Thần thoại của người Khơ Mú kể rằng, nàng Lúa đã để cho vắt hút máu mình để nó mang lúa về cho người. Từ đó người ta lấy tên nàng đặt tên cho hạt vàng ấy là hạt lúa (*Mẹ lúa*) (Xem Phan Kiến Giang 1988: 21 - 22). Ở câu chuyện này, thần thoại là cái cớ, vỏ bọc giải thích cho tín ngưỡng thờ Mẹ Lúa; sự hóa thân nàng Hngọ thành Mẹ Lúa đã gợi ý niệm về quyền năng và công lao to lớn của người đàn bà trong việc canh tác cây lúa. Thần thoại người Pu Péo giải thích sự xuất hiện lúa, ngô trên trần gian là do các vị thiên thần Mẹ Lúa, Mẹ Ngô chỉ bảo và giúp đỡ con người. Vì thế, trong ý niệm của người dân thì lúa, ngô là những loài giống quý báu có nguồn gốc từ thần linh thuộc thế giới bầu trời. Ngày nay khi lúa, ngô không lên được, hoặc khi đã mang ngô, lúa về nhà, người ta bao giờ cũng làm lễ cầu cúng thần Mẹ Lúa, Mẹ Ngô (*Mẹ lúa mẹ ngô*) (Lê Trung Vũ 1988: 5).

Người Kháng ở vùng Tây Bắc nước ta có thần thoại và thực hành nghi lễ liên quan Mẹ Lúa (Xem Đặng Nghiêm Vạn và cộng sự 1972: 205 - 206). Trong quan niệm của đồng bào dân tộc Dao, cây lúa là sinh linh nên người Dao kiêng đi nương vào ngày 7 tháng 7 âm lịch. Họ cho rằng ngày ấy là ngày hợp hôn

của "lúa trai lúa gái" (Xem Bế Viết Đăng và cộng sự 1971: 257). Người Ra Glai có nghi lễ cúng lúa làm đồng, khi lúa có đồng đồng thì nhiều người Ra Glai gọi là lúa chữa (Xem Nguyễn Thế Sang 2014: 430 - 431). Khi lúa chín, gia đình người Tày Mường ở Nghệ An làm lễ cúng Mẹ Lúa (Xem Lê Hải Đăng 2014: 299 - 300). Trong quan niệm của đồng bào các dân tộc thiểu số Việt Nam, Mẹ Lúa là một thực thể thiêng liêng nhưng cũng rất gần gũi với con người.

Lúa trong thần thoại và nghi lễ các dân tộc thiểu số nước ta biểu trưng cho người mẹ - người đàn bà là một hiện tượng mang tính phổ biến. Thứ nhất, điều này cho thấy vai trò quan trọng của người đàn bà trong quá trình trồng trọt, chăm sóc, thu hoạch và chế biến cây lúa. Thứ hai, lúa biểu trưng cho người mẹ còn gợi khả năng sinh sản dồi dào. Việc cây cối nói chung và lúa nói riêng gắn với người đàn bà luôn luôn phản ánh vấn đề sinh sôi nảy nở, đó là khát vọng và mơ ước của bất cứ cộng đồng cư dân nào. Xuất phát từ tầm quan trọng của cây lúa đối với đời sống con người nên từ xa xưa, các cộng đồng cư dân đã sùng bái cây lúa như người mẹ mang đến nguồn sống cho con người.

2. Lúa - linh hồn (Hồn Lúa)

Một bộ phận truyện cổ các dân tộc thiểu số Việt Nam lại kể về lúa là loài cây linh hồn, loài cây biết yêu thương, hồn giận, sợ hãi và trách móc con người đã đối xử không tôn trọng mình. Ở dạng truyện này thường có nội dung kể rằng, xưa kia lúa chín tự lặn về nhà, nhưng người đàn bà đánh đuổi lúa, hoặc do chớ sửa làm lúa sợ hãi nên lúa bỏ người đi, từ đó loài người phải gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch lúa mới có cái ăn. Vì vậy, con người muốn có lúa gạo để ăn thì phải ra ruộng nương trồng lúa và chăm sóc lúa cho đến khi lúa chín phải gặt về. Họ còn phải thờ cúng Hồn Lúa, để lúa không bỏ đi.

Người Tày có truyện *Lên trời xin thóc giống* kể về người đàn bà lười biếng là nguyên nhân lúa bỏ đi (Vi Hồng 2000: 44). Xuất phát từ ý niệm về sự tồn tại của Hồn Lúa, người Tày tổ chức nghi lễ cúng hồn vía lúa với ý nghĩa cầu mong cho cây lúa sây hạt nặng bông không bị sâu bọ quấy phá gọi là *Toọc bốn đào bâu khẩu* (Đọc bốn tấm lá lúa) (Nguyễn Thị Yên 2009: 77). Truyện cổ người Sán Chay kể về vợ ông Sắn Nồng lười biếng không chịu đón lúa mà còn đánh đuổi lúa. Lúa rủ nhau chạy đi gần hết. Ông Sắn Nồng dỗ dành thế nào đàn hạt lúa cũng không trở về nữa (*Cây lúa Sắn Nồng*) (Nhiều tác giả 2012: 501). Bắt nguồn từ tích truyện này, hằng năm người Sán Chay làm lễ cúng cơm mới, tức là cúng ông Sắn Nồng có công tìm ra hạt lúa đúng vào ngày hạt lúa bị người đàn bà lười đánh đuổi. Cộng đồng cầu mong cho hồn vía hạt lúa đừng ghét con người nữa, trở về với con người và cho mùa lúa sau lại mọc tốt hơn.

Truyện cổ người Khơ Me kể rằng người đàn bà lười nhác đã xua đuổi lúa khiến cả bầy lúa hốt hoảng bay vội vào núi, trốn vào trong một khe đá hẹp, cá thác lác van nài thần Lúa trở về để con người được no ấm. Lúa đồng ý trở về nhưng với điều kiện là chỉ ở ngoài đồng ruộng chứ không dám vào nhà (*Cá thác lác đi xin lúa*) (Nguyễn Thị Huế cb 1999: 181). Truyện cổ này đã giải thích hiện tượng thờ cúng Thần Lúa, trong quan niệm của người Khơ Me, để nhớ ơn loài cá đã tận tình với con người, hằng năm trên mâm cơm cúng thần, đồng bào thường nướng một xâu cá thác lác để bên cạnh những bát cơm gạo mới đầu mùa. Ngoài ra, người Khơ Me còn có lễ Gọi hồn lúa (*hno pralung xrâu*). Hồn Lúa ở người Khơ Me thường tượng trưng bằng nữ thần *Peisarap* ngồi trên mình cá *xlát*, tay cầm một nhánh lúa (Nhiều tác giả 2014: 138). Theo quan niệm của người Khơ Me thì thóc lúa có hồn và có đến 19 hồn. Những bông lúa nào không có hồn coi như đã chết. Vì thế trước khi bước vào

mùa gặt thì nhà nông phải làm lễ gọi hồn lúa về và sau khi gặt xong cũng phải đặt một vật nặng đè lên để hồn lúa khỏi bay đi. Nhiều nơi khi phơi khô, quạt sạch đem lúa vào bồ thì người ta làm lễ "gọi hồn lúa" (Lê Văn Kỳ, Thu Loan 2012: 213).

Theo truyện cổ của người Giẻ Triêng, con chó săn của anh thợ săn làm lúa sợ hãi không chạy về với người, từ đó người trong bản làng phải vất vả gặt lúa và ra sức kê vai gánh lúa về kho (*Lúa về kho*) (Nguyễn Văn Bổng và cộng sự 1984: 249). Cũng tương tự nội dung trên, còn có truyện cổ người Hrê (*Lúa và chó*) (Đinh Xăng Hiền 1984: 161). Ở các câu chuyện này, lúa là loài cây linh hồn mang trạng thái con người, loài chó đã làm lúa sợ hãi không dám bò về nhà nữa. Điều này cho thấy, ý niệm về sự tồn tại cây lúa không đơn thuần là một loài thực vật vô tri vô giác mà còn mang cả dáng dấp, tính cách động vật, tính cách con người.

Gắn liền với các truyện cổ dân gian là những thực hành nghi lễ trong các cộng đồng cư dân, người Mường có tục cúng hồn lúa khá đặc biệt, theo khảo sát của Jeanne Cuisinier thì người Mường làm lễ cầu khẩn linh hồn của cây lúa trong thời gian gặp nạn đói kém to (Xem Jeane Cuisinier 1995: 278 - 280). Theo quan niệm của người Dao, mỗi bông lúa đều có hồn, trước lúc gặt, chúng cùng chung sống trên nương rẫy, nhưng trong lúc gặt không tránh khỏi một số bông lúa bị bỏ sót lại trên nương rẫy, hồn chúng bơ vơ không được ai chăm sóc cho nên đồng bào thường làm lễ cúng này để thu hết tất cả hồn lúa về nhà, và có như vậy trong những vụ sau, lúa mới được tươi tốt (Xem Bế Viết Đăng và cộng sự 1971: 261 - 262).

Ngoài ra, ở khắp các cộng đồng dân tộc Việt Nam, hầu hết đều có phong tục tập quán và tín ngưỡng liên quan đến lúa, người Chăm xem lúa là vị thần và lúa cũng có hồn, có vía nên con người thờ phụng, thực hành nghi lễ;

người Ê Đê ở Đăk Lăk có lễ rước hồn lúa trước khi bước vào mùa thu hoạch; người Ba Na ở Tây Nguyên cũng có lễ đóng cửa kho giữ hồn lúa; người Cà Dong làm lễ gọi hồn lúa vào dịp tuốt lúa; người Cơ Tu quan niệm lúa có hồn và hồn lúa thường trú ngụ trong sọ người chết; người La Hủ tin rằng ngô, lúa có hồn như con người và hồn chúng quyết định sự mất hay được mùa.

Trên thực tế, ở các cộng đồng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngay từ khi bắt đầu trồng lúa cho đến giai đoạn chăm sóc lúa, thu hoạch lúa người ta đều có các nghi thức thờ cúng Hồn Lúa. Điều này cho thấy được niềm tin của cộng đồng cư dân vào sự tồn tại linh hồn của lúa. Họ tin tưởng rằng, chính Hồn Lúa quyết định đến sự thành bại của vụ mùa.

3. Lúa - thần linh (Thần Lúa)

Trong thần thoại và nghi lễ các dân tộc thiểu số Việt Nam, cây lúa còn được sùng bái là vị thần, hoặc loài cây do thần linh ban tặng cho con người. Bắt nguồn từ ý niệm đó cho nên khắp nơi, người ta lưu truyền các truyện cổ dân gian và tổ chức thực hành các nghi lễ về Thần Lúa.

Truyện cổ của người Tà Ôi kể về cây lúa bỏ người mà đi do con người đã vi phạm cấm kỵ, mở vung nồi khi lửa đang còn cháy (*Tòral*) (*cây lúa*) (Mai Văn Tấn 1986: 5). Trong thực hành nghi lễ, người Tà Ôi làm lễ tria lúa (*tăq apear*), họ coi lúa rẫy là sự sống còn, là niềm hạnh phúc lớn lao và cây lương thực linh hiển luôn có một vị thần ngự trị, đó là Thần Lúa - vị thần quyết định năng suất cây lúa cũng như sự yên vui trong cuộc sống hằng ngày. Lời cầu khẩn của người thực hành nghi lễ như sau: *Hỡi thần lúa cho chúng con được/Tốt ngọn sai hạt/Mai kia no đủ/Giàu sang hạnh phúc*. Ngoài ra, người Tà Ôi có nghi lễ rước lúa thần về nhà (*pachooârvai*). Người cúng vừa ngắt những khóm lúa đã buộc ngọn với nhau ở công đoạn

tuốt, vừa cầu: *Từ đây thôi hãy về/ Thần về cho ấm no hạnh phúc/ Nơi cửa nhà nôi niêu bếp núc/ Khởi phải bị chuột tha, chim cắp/ Thần về ở tại nhà/ Thần về che miệng ống đập miệng oa* (Xem Đỗ Đức Lợi 2009: 157 - 162).

Thần thoại Ba Na kể về cây lúa là cây trồng được thần linh ban tặng cho con người, đây cũng là một quan niệm về nguồn gốc thiêng liêng của cây lúa, lúa thần, do thần linh mà con người mới có lúa để trồng. Tuy nhiên, mặc dù con người có được cây lúa, nhưng họ phải trải qua những thử thách, vượt qua sự đổ kỵ của những vị thần xấu (*Thần lúa và bọn quỷ ác*) (Bùi Văn Nguyên 1965: 51). Theo quan niệm của người Ba Na ở Kon Tum thì Thần Lúa là vị thần coi giữ lúa gạo và bếp núc. Thường ở ngoài rẫy, trong bó lúa và trong nôi cơm. Có hai Thần Lúa, một nam thần và một nữ thần đều là cháu của Bok Glaih (Thần Sấm Sét). Người Ba Na rất quý Thần Lúa và cũng ưng thần ấy thương mình vì có Thần mới có lúa gạo để ăn. Trong những cuộc lễ bái về nghề nông, họ thường xuyên cầu khẩn đến thần. Thần Lúa thường hiện hình là một đứa con nít trai hay gái có sải ghè đầy mình (vì vỏ lúa xù xì); thấy hình ấy là điềm được mùa. Nếu thấy một đứa trẻ trắng tốt (lúa xép) là điềm xấu (Xem Nguyễn Kinh Chi, Nguyễn Đồng Chi 2011:172).

Thần thoại người Mnông kể về Thần Lúa hóa phép xuống trần gian giúp con người có lúa gạo, dạy họ biết trồng lúa để sinh sống (*Chuyện thần lúa*) (Trương Thông Tuần 2010: 104). Thần thoại người Chu Ru kể về vị nữ thần biến hóa thành người phụ nữ để xuống trần gian ban cho con người lúa gạo và dạy con người biết cách trồng lúa để sinh tồn (*Con gịan của thần lúa*) (Phan Xuân Viện và cộng sự 2007: 9). Thần thoại của người Giẻ Triêng kể về cây lúa được sinh ra do những giọt máu của vị thần linh rơi xuống đất (*Con nuôi Da Nhe*) (Nguyễn Văn Minh 2009: 157).

Ngoài ra, khắp các tộc người nước ta từ Bắc chí Nam đều có các thần thoại về Thần Lúa, theo thần thoại H'Mông thì ông già tóc bạc trắng đầu, hiền hậu, từ trong núi đi ra đúng lúc người già sắp hết hơi thở vì đói. Ông mang đến hạt ngô, hạt lúa nuôi sống con người. Thần thoại dân tộc Mảng kể về việc trời sai nữ thần xuống mặt đất rắc lúa để nuôi người, thần đến mặt đất đã giao cho con người ba hạt thóc giống để trồng ở ba góc rẫy. Theo sử thi Mường thì nàng tiên Tiên Mái Lúa cho con người bốn mươi giống lúa này, ba mươi giống lúa nương đem về trồng trọt. Theo thần thoại của người Thái kể lại sau trận đại hồng thủy, con người và muôn vật trên thế gian bị chết hết, trời sai người xuống mặt đất đem theo tám quả bầu, trong ruột những quả bầu ấy chứa đủ mọi thứ cần dùng cho đời sống, có ba trăm ba mươi giống lúa để gieo trồng. Thần thoại Vân Kiều lại kể rằng, tất cả các dân tộc trên đất nước này, tất cả các loài hoa màu, ngũ cốc đều được sinh ra từ một quả bầu khổng lồ. Theo thần thoại Khơ Me thì thần Ma Ha Pờ rum làm phép hoá ra giống lúa "sơ râu phân sa ly" cho mọc xen với cây cỏ khắp mọi nơi. Thần thoại dân tộc Mạ lại kể về ông Nđu phái nữ thần lúa xuống trần gian mang cây lúa cho con người. Vị nữ thần lúa hóa thành hai con chim, phân chim rơi xuống gốc cây nảy thành những mầm lúa. Thần thoại người Xtiêng kể về vị thần lúa hóa thành con nai thần chỉ cho người những hạt thóc mầm, đem về gieo trồng.

Có thể nói, hầu hết các thần thoại về Thần Lúa đều kể về cây lúa có nguồn gốc linh thiêng được thần linh ban cho con người, mang đến cho họ nguồn thức ăn, cứu con người khỏi đói khổ và chết chóc. Một số thần thoại và nghi lễ lại biểu đạt ý niệm về sự tồn tại của thần linh trong lúa, cho nên trong cộng đồng, người dân quan niệm sự tồn tại của Thần Lúa, Thần Nông không chỉ mang lại nguồn thức ăn mà trở thành đáng cứu thế, cứu con người thoát khỏi nạn diệt vong.

Lời kết

Mặc dù trong thần thoại các dân tộc thiểu số Việt Nam, hình tượng Mẹ Lúa, Hồn Lúa và Thần Lúa được miêu tả khác nhau nhưng trong tâm thức cộng đồng và trong thực hành nghi lễ có một điểm chung thống nhất là các vị thần luôn là hiện thân của đấng linh thiêng, mang lại cho con người nguồn sống, giúp con người thoát khỏi đói khổ, thiếu thốn nguồn thức ăn. Để lý giải hiện tượng lưu truyền thần thoại và nghi lễ sùng bái cây lúa, chúng ta có thể nhìn nhận từ hai phương diện, thứ nhất là trong hiện thực đời sống, con người từ khi chuẩn bị cho việc trồng lúa cho đến khi thu hoạch và chế biến thành sản phẩm phải thực hiện các công đoạn hết sức vất vả. Tuy nhiên, quá trình trồng lúa không phải khi nào cũng diễn ra theo mong đợi của họ, có những mùa vụ, điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc trồng trọt thì được mùa, nhưng vào những năm điều kiện tự nhiên không thuận lợi do hạn hán, lũ lụt, sâu bệnh sẽ gây nên mất mùa, điều này khiến toàn bộ công sức người dân bỏ ra sẽ không thu được kết quả như mong đợi. Chính tâm lý sợ hãi và sự bất lực của con người trước hiểm họa thiên nhiên gây ra là một nguyên nhân ra đời hệ thống tín ngưỡng sùng bái lúa. Thứ hai là từ góc độ văn hóa tâm linh, các cộng đồng thờ cúng, thực hành nghi lễ về cây lúa, họ đối xử với cây lúa và hạt lúa như đối xử với một sinh linh. Đây là một hiện tượng văn hóa tâm linh đặc thù nằm trong hệ thống tín ngưỡng sùng bái vật linh của các cộng đồng cư dân. Cho nên về bản chất, việc sùng bái Thần Lúa, Hồn Lúa, Mẹ Lúa thuộc tín ngưỡng vật linh, nó mang theo khát vọng của con người về cuộc sống no đủ, tránh đi những nỗi vất vả nhọc nhằn và sự thiếu thốn nguồn thức ăn. ■

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Bổng và cộng sự (1984), *Văn nghệ dân gian Quảng Nam Đà Nẵng*, Tập 2, Sở Văn hóa - Thông tin Quảng Nam - Đà Nẵng xb.

2. Nguyễn Kinh Chi, Nguyễn Đồng Chi (2011), *Người Ba Na ở Kon Tum*, Nxb. Tri thức, H.
3. Jeanne Cuisinier (1995), *Người Mường địa lý nhân văn và xã hội học*, Nxb. Lao động, H.
4. Jacques Dournes (2002), *Rừng, đàn bà, điên loạn đi qua miền mơ tưởng Giarai* (Nguyễn Ngọc dịch), Nxb. Hội Nhà văn, H.
5. Lê Hải Đăng (2014), *Nghi lễ gia đình của người Tày Mường ở Nghệ An*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, H.
6. Bế Viết Đăng và cộng sự (1971), *Người Dao ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, H.
7. Phan Kiến Giang (1988), *Truyện cổ Khơ Mú*, Nxb. Văn hóa dân tộc, H.
8. Đinh Xăng Hiền (1984), *Truyện cổ Hrê*, Sở Văn hóa - Thông tin Nghĩa Bình xb.
9. Vi Hồng (2000), *Truyện cổ Bắc Kạn*, Tập 1, Sở Văn hóa - Thông tin Bắc Kạn xb.
10. Nguyễn Thị Huế chủ biên (1999), *Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam* (Tập 1: Thần thoại, truyền thuyết), Nxb. Giáo dục, H.
11. Đinh Gia Khánh (1993), *Văn hóa dân gian Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á*, Nxb. Khoa học xã hội, H.
12. Lê Văn Kỳ, Thu Loan (2012), *Lễ hội nông nghiệp Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, H.
13. Đỗ Đức Lợi (2009), *Văn hóa tộc người Tà Ôi*, Nxb. Văn hóa dân tộc, H.
14. Nguyễn Văn Minh (2009), *Tôn giáo tín ngưỡng của người Ve ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, H.
15. Bùi Văn Nguyên (1965), *Truyện cổ Ba Na*, Tập 2, Nxb. Văn học, H.
16. Nhiều tác giả (2012), *Truyện cổ một số dân tộc thiểu số*, Nxb. Văn hóa dân tộc, H.
17. Nhiều tác giả (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Nam)* (Tái bản, bổ sung), Nxb. Khoa học xã hội, H.
18. Nguyễn Thế Sang (2014), *Nghi lễ vòng đời người vòng đời cây lúa của người Raglai*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, H.
19. Mai Văn Tấn (1986), *Truyện cổ Tà Ôi*, Nxb. Văn hóa dân tộc, H.
20. Lê Bá Thảo (2009), *Thiên nhiên Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, H.
21. Trương Thông Tuấn (2010), *Truyện cổ Mnông*, Nxb. Trẻ, H.
22. Đặng Nghiêm Vạn và các cộng sự (1972), *Những nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, H.
23. Phan Xuân Viện và cộng sự (2006), *Truyện cổ Mnông*, Nxb. Văn nghệ.
24. Lê Trung Vũ (1988), *Truyện cổ Pu Péo*, Nxb. Văn hóa dân tộc, H.
25. Nguyễn Thị Yên (2009), *Tín ngưỡng dân gian Tày Nùng*, Nxb. Khoa học xã hội, H.

TS. NGUYỄN HUY BÌNH
Viện Từ điển học và Bách khoa thư